

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số : 19/2020/DS-ST
Ngày : 26-6-2020
V/V tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bon.

Bà Võ Thị Kim Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 82/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị Kim L. Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Trương Khắc C.

Bà Phan Bích N.

Cùng địa chỉ: ấp1, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08-5-2019 và quá trình giải quyết vụ án bà Cao Thị Kim L là nguyên đơn trình bày: Vào ngày 29 tháng 9 năm 2018, ông C và bà N có vay của bà số tiền 375.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 5%/tháng, hẹn qua tết là tháng 01 năm 2019 trả vốn vay cho bà. Ngày 25 tháng 12 năm 2018, ông C và bà N tiếp tục vay của bà là 50.000.000 đồng, hẹn ngày 8-9 tháng 01 năm 2019 trả vốn vay cho bà, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 5%/tháng. Từ khi vay tiền đến nay, ông C và bà N không có trả tiền vốn vay và tiền lãi cho bà. Tổng cộng, ông C và bà N đã vay của bà hai đợt vay tổng số tiền là 425.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu ông C và bà N phải trả 425.000.000 đồng tiền vốn vay và tiền lãi là 0,8%/tháng cụ thể như sau:

Đối với khoản tiền vay 375.000.000 đồng, bà yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 29 tháng 9 năm 2018 đến tháng 4 năm 2020 là 19 tháng với số tiền 375.000.000 đồng x 0,8%/tháng x 19 tháng = 57.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền vay 50.000.000 đồng, bà yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 25 tháng 12 năm 2018 đến tháng 4 năm 2020 là 16 tháng với số tiền 50.000.000 đồng x 0,8%/tháng x 16 tháng = 6.400.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi là 63.400.000 đồng.

Bà yêu cầu ông C và bà N liên đới trả tiền vốn vay và tiền lãi cho bà trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày 26/6/2020. Số tiền 70.000.000 đồng mà ông C và bà N trình bày là trả tiền vốn vay cho bà là không đúng, đây là khoản vay khác.

Bị đơn bà Phan Bích N trình bày: Bà và ông C có vay tiền của bà L nhiều lần trong năm 2018 và hiện nay còn nợ bà L số tiền vốn vay là 425.000.000 đồng, hai bên không có thỏa thuận lãi suất trong giấy nợ, phần vay này vay nhiều đợt với mức lãi suất khác nhau là 10%/tháng, 15%/ngày, bà và ông C đã trả cho bà L 02 lần tiền vốn vay cụ thể lần 01 trả 30.000.000 đồng vào ngày 20/10/2018, lần 02 trả 40.000.000 đồng vào ngày 12/5/2019, bà và ông C không có trả lãi cho bà L.

Nay bà L yêu cầu bà và ông C phải trả 425.000.000 đồng vốn vay thì bà và ông C đồng ý, bà và ông C không yêu cầu khấu trừ lại số tiền 70.000.000 đồng mà bà và ông C đã trả cho bà L, bà và ông C yêu cầu phía bà L tạo điều kiện cho bà và ông C trả số tiền vốn vay trong thời hạn 01 năm tính từ ngày 26/6/2020.

Về số tiền lãi chậm trả: Bà và ông C yêu cầu phía bà L không tính tiền lãi chậm trả.

Bị đơn ông Trương Khắc C trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà N, không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ của vụ án và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Cao Thị Kim L khởi kiện ông Trương Khắc C, bà Phan Bích N về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy bà L yêu cầu bà N, ông C phải liên đới trả cho bà L là 425.000.000 đồng tiền vốn vay và lãi suất chậm trả là 63.400.000 đồng, tổng cộng là 488.400.000 đồng.

Xét thấy qua quá trình hòa giải và tại phiên tòa hai bên đương sự thống nhất bà N, ông C còn nợ bà L 425.000.000 đồng tiền vốn vay, nhưng hai bên không thống nhất thời gian thanh toán nợ. Bà N, ông C xin bà L trong thời hạn 01 năm tính từ ngày 26/6/2020 sẽ thanh toán hết số nợ vốn vay cho bà L, bà L không đồng ý và

không phù hợp với quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà N, ông C, nên cần buộc bà N, ông C phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền vốn vay là 425.000.000 đồng theo quy định tại các điều 288, 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả: Bà L yêu cầu ông C, bà N phải liên đới trả cho bà L số tiền là 63.400.000 đồng với lãi suất là 0,8%/tháng, bà N, ông C không đồng ý. Xét thấy yêu cầu tính lãi chậm trả của bà L là phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nên cần chấp nhận yêu cầu này của bà L.

Đối với số tiền 70.000.000 đồng bà N, ông C đã trả cho bà L. Ông C, bà N thống nhất không yêu cầu Tòa án khấu trừ vào vốn đã nợ bà L, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Bà L không phải chịu án phí theo quy định.

Bà N, ông C có đơn xin miễn án phí với lý do là người cao tuổi nên cần miễn án phí cho bà N, ông C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 288, 357, 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Kim L về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Trương Khắc C, bà Phan Bích N.

Buộc ông Trương Khắc C, bà Phan Bích N phải liên đới trả cho bà Cao Thị Kim L số tiền vốn vay là 425.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 63.400.000 đồng, tổng cộng số tiền vốn vay, lãi chậm trả là 488.400.000 đồng (bốn trăm tám mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà L được nhận lại 11.700.000 đồng (mười một triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000395 ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Miễn án phí cho ông C, bà N.

3. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí